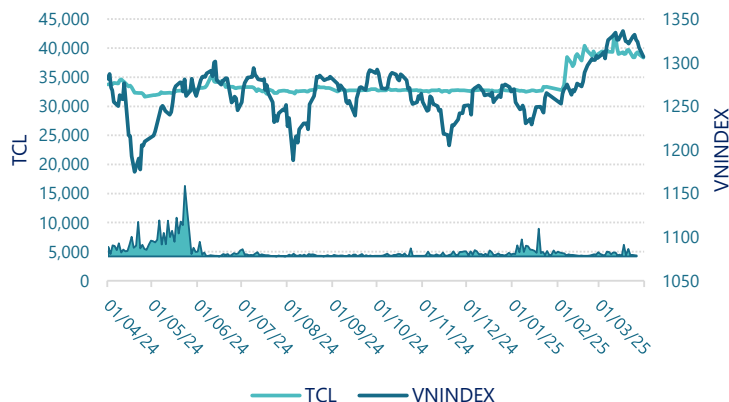




CTCP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng (HSX: TCL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	41,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,992
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,645
SL cổ phiếu LH	30,158,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	171,405
% sở hữu nước ngoài	6.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,236
P/E	7.8
EPS	5,256

DT thuần

Q1/25

349

tỷ VNĐ

QoQ: ▼115| -24.8%

YoY: ▲ 35.0| 11.1%

LN sau thuế

Q1/25

26.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.8| -50.3%

YoY: ▲ 6.70| 33.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.9%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

1,631

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 102| 6.7%

LN sau thuế

2024

146

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.0| 8.8%

ROE

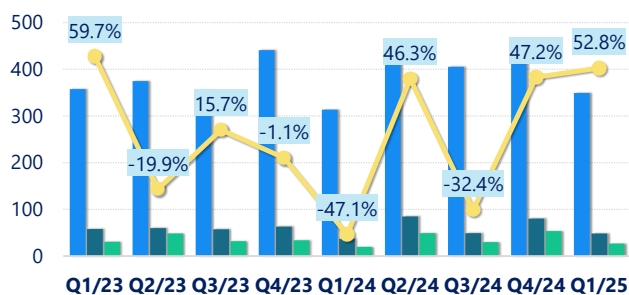
2024

23.4%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



Doanh thu thuần

Lợi nhuận gộp

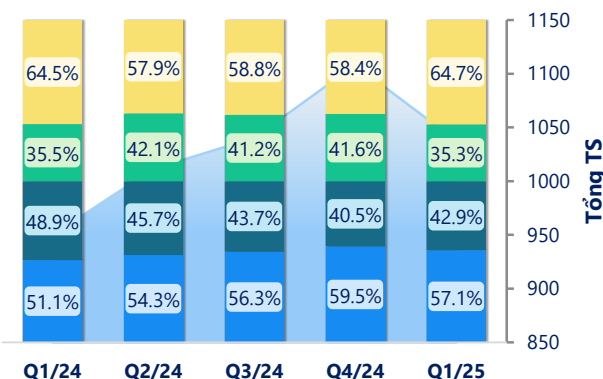
Lợi nhuận sau thuế

Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



Q1/24

Q2/24

Q3/24

Q4/24

Q1/25

Tổng tài sản

Tài sản ngắn hạn

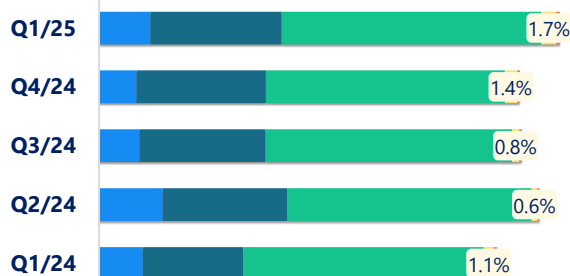
Tài sản dài hạn

Nợ phải trả

Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền

Đầu tư TC ngắn hạn

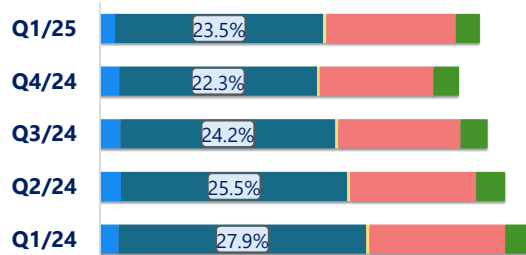
Phải thu ngắn hạn

Hàng tồn kho

TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Phải thu dài hạn

Tài sản cố định

Bất động sản đầu tư

Đầu tư tài chính dài hạn

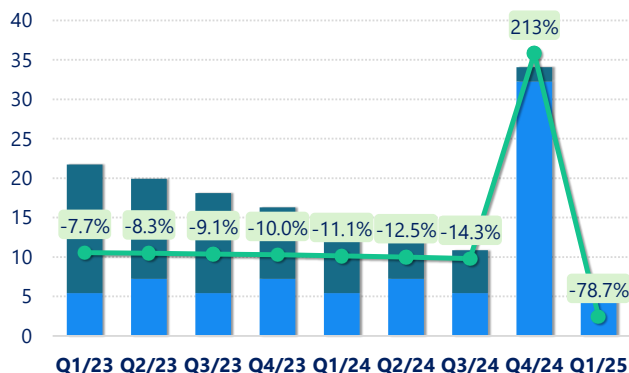
Tài sản dài hạn khác

Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



Vay và nợ thuê ngắn hạn

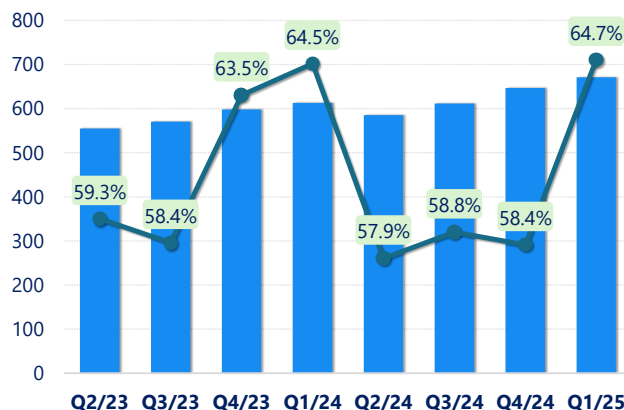
Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

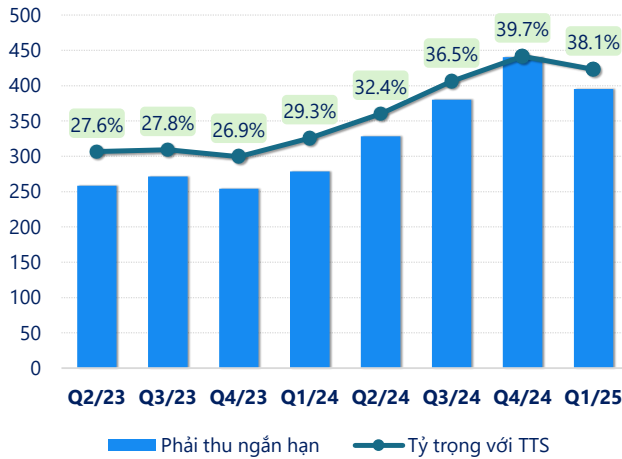


Vốn chủ sở hữu

Tỷ trọng với TTS

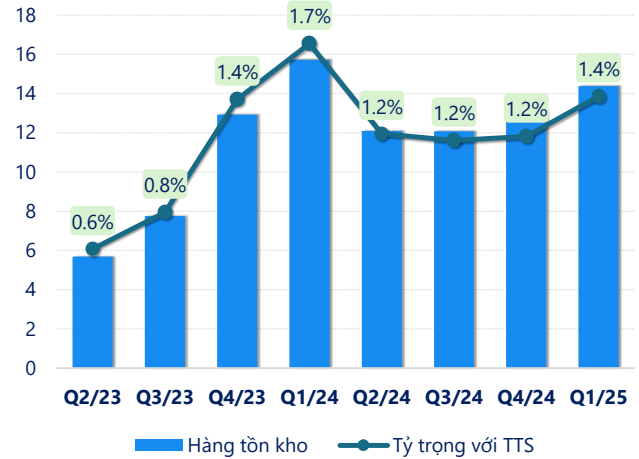
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


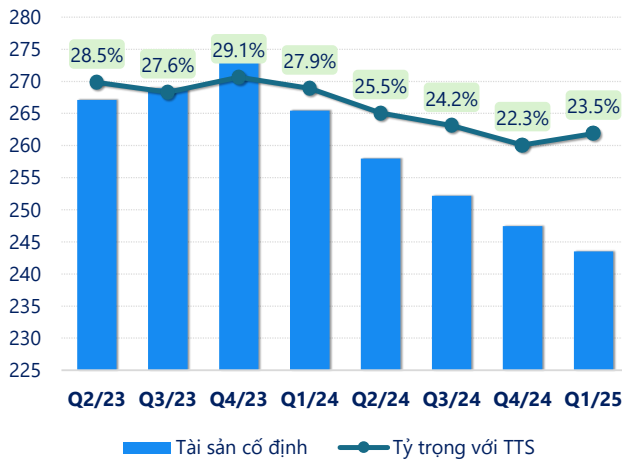
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


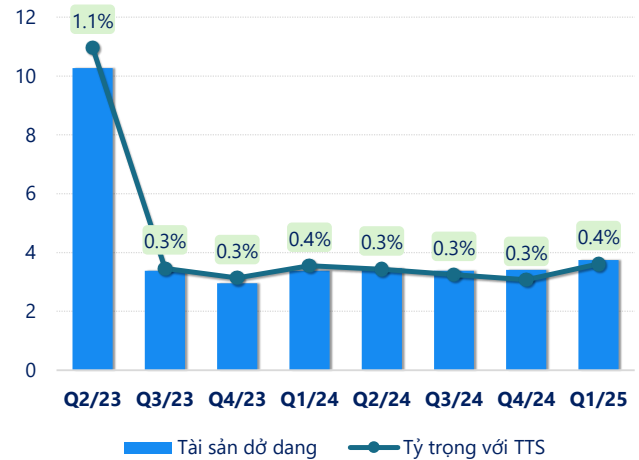
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

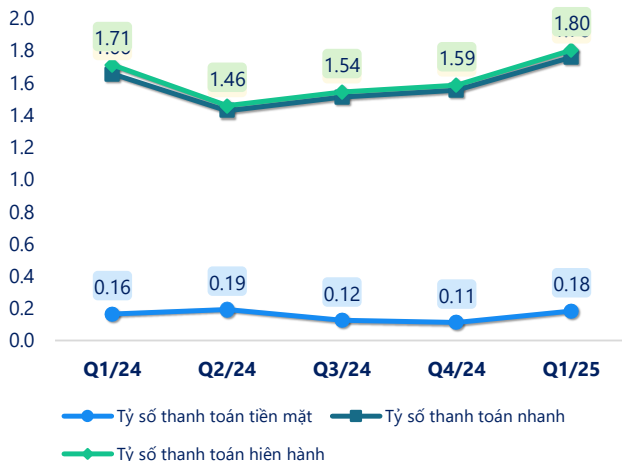
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

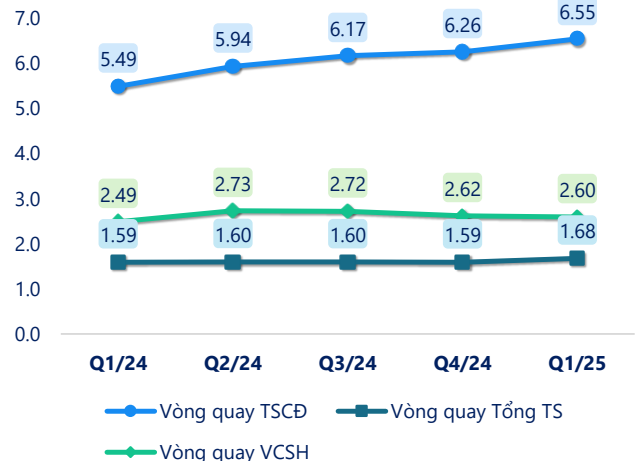
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	950	1,011	1,040	1,108	1,038
Tài sản ngắn hạn	486	549	585	659	593
Tiền và tương đương tiền	46.7	72.3	47.3	46.5	59.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	130	142	154	119
Phải thu ngắn hạn	279	328	380	440	395
Hàng tồn kho	15.7	12.1	12.1	13.1	14.4
Tài sản ngắn hạn khác	4.03	6.52	4.08	5.07	4.00
Tài sản dài hạn	464	462	455	449	445
Phải thu dài hạn	20.0	24.1	24.1	24.1	17.7
Tài sản cố định	265	258	252	247	244
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.38	3.47	3.38	3.41	3.75
Đầu tư tài chính dài hạn	145	143	144	142	152
Tài sản dài hạn khác	29.8	33.5	31.6	32.2	28.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	337	426	429	461	367
Nợ ngắn hạn	284	376	379	416	329
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.44	7.25	5.44	32.2	5.44
Phải trả người bán ngắn hạn	206	184	142	272	241
Nợ dài hạn	53.0	49.4	49.4	45.8	37.9
Vay và nợ thuê dài hạn	9.06	5.44	5.44	1.81	1.81
Nguồn vốn chủ sở hữu	613	586	612	647	671
Vốn chủ sở hữu	613	586	612	647	671
Vốn điều lệ	302	302	302	302	302
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)